TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14/01/2026
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Phạm Thành Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thuý; bà Ngô Thị Thời

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân **-** Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 8 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 540/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025, về việc "Ly hôn, nuôi con chung"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1972. ĐKHKTT và cư trú: Số D T, phường T, thành phố Hải Phòng. CCCD số : 031072007694 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/5/2022.

- Bị đơn: Bà Tạ Thị N, sinh năm 1977. ĐKHKTT và cư trú trước khi xuất cảnh : Số D T, phường T, thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú hiện nay: Cộng hòa Liên Bang Đ. CCCD số: 037177001519 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/4/2022.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ông Nguyễn Văn V và bà Tạ Thị N tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 18/9/1998 tại UBND xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng (nay là xã V, thành phố Hải Phòng).

Sau khi kết hôn vợ chồng ông chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về mọi mặt. Do điều kiện kinh

tế gia đình nên bà N đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng không có điều kiện quan tâm trực tiếp đến nhau, dẫn đến đời sống tình cảm lạnh nhạt. Thực tế vợ chồng ông đã ly thân nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai, mỗi người lo một cuộc sống riêng. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Đến nay, ông và bà N không còn tình cảm, không thể hàn gắn đoàn tụ với nhau. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà N để cả hai sớm ổn định cuộc sống. Hiện nay, bà N đang sinh sống tại Cộng hoà liên bang Đ và chỉ liên lạc với con qua mạng xã hội, gia đình có hỏi nhưng bà N cũng không nói địa chỉ cụ thể ở đâu, bởi vậy ông không thể cung cấp cho Tòa án. Vì điều kiện công việc bận rộn và hiện tại bà N không ở Việt Nam nên ông đề nghị toà án không tiến hành hoà giải và sớm đưa vụ án ra xét xử, ông xin vắng mặt tại phiên toà. Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là Nguyễn Văn Đ sinh ngày 14/02/1999 và Nguyễn Văn V1 sinh ngày 09/5/2008. Cháu Đ đã thành niên ông không yêu cầu toà án giải quyết, ông xin được tiếp tục nuôi cháu V1 cho đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện ông có chỗ ở và thu nhập ổn định có đủ điều kiện để nuôi dạy con phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần. Về tài sản, nợ chung và công sức chung: Không có, không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn Đ là con của ông V, bà N trình bày:

Điều kiện và thời gian kết hôn của ông V, bà N như ông V trình bày là hoàn toàn đúng. Quá trình chung sống bố mẹ anh phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung. Sau đó, do bố mẹ anh sống cách xa nhau trong khoảng thời gian dài nên không có sự quan tâm chia sẻ thường xuyên với nhau. Bố mẹ anh đã sống ly thân nhiều năm, không thể hàn gắn được. Nay bố anh làm đơn ly hôn, anh đề nghị toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chỉ biết mẹ anh đi lao động tại Cộng hòa Liên Bang Đ còn địa chỉ cụ thể như thế nào anh không nắm được nên không thể cung cấp cho tòa án. Mẹ anh vẫn thường xuyên liên lạc với anh qua điện thoại. Qua trao đổi, anh nắm bắt được mẹ anh cũng nhất trí ly hôn nhưng do khoảng cách địa lý nên không về nước làm các thủ tục được. Mẹ anh xin vắng mặt tại các buổi làm việc của tòa án và đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Bố mẹ anh có 02 con chung là Nguyễn Văn Đ sinh ngày 14/02/1999 và Nguyễn Văn V1, sinh ngày 09/5/2008. Mẹ anh đồng ý để bố anh tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Văn V1 đến khi thành niên. Về tài sản, nợ và công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Mẹ anh có quan điểm là không đề nghị tòa án giải quyết.

Theo đơn đề nghị, anh Nguyễn Văn V1 có quan điểm, trường hợp bố mẹ ly hôn thì anh xin được tiếp tục ở với bố.

Tại công văn phúc đáp ngày 22/12/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh công an thành phố H thể hiện: Bà Tạ Thị N, lần gần nhất là ngày 06/11/2022 xuất cảnh ra nước ngoài bằng hộ chiếu K0091898 qua cửa khẩu sân bay quốc tế N1, đến nay chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên toà nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và đều có đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn V ly hôn bà Tạ Thị N; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn V1 sinh ngày 09/5/2008 cho ông V chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ, công sức chung: Không đề nghị Toà án giải quyết. Ông V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Tạ Thị N có nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Số D T, phường T, thành phố Hải Phòng, hiện bà N đang lao động, sinh sống tại Cộng hòa liên bang Đ1. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của bà N nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ là con của ông V, bà N để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn. Anh Đ vẫn liên lạc với bà N và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa ông bà. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn V và bà Tạ Thị N tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 18/9/1998 tại UBND xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng (nay là xã V, thành phố Hải Phòng) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Do tính chất

công việc ông V và bà N đều phải đi làm xa, mỗi người một nơi, ít có thời gian quan tâm vun vén hạnh phúc chung khiến tình cảm rạn nứt dần. Vợ chồng sống ly thân nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai, mỗi người lo một cuộc sống riêng, độc lập về kinh tế. Nay ông V có đơn xin ly hôn, bà N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông V ly hôn bà N.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ông V, bà N có 02 con chung là Nguyễn Văn Đ sinh ngày 14/02/1999 và Nguyễn Văn V1, sinh ngày 09/5/2008. Con Nguyễn Văn Đ đã thành niên các đương sự không yêu cầu toà án giải quyết. Ông V có nguyện vọng nuôi con chung Nguyễn Văn V1, bà N nhất trí. Mặt khác cháu V1 cũng có quan điểm xin được tiếp tục ở với bố. Căn cứ điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, HĐXX giao con Nguyễn Văn V1, sinh ngày 09/5/2008 cho ông V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của ông V không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình anh bên*:* Ông V, bà N cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 147, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền vủa các Tòa án nhân dân; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Nguyễn Văn V ly hôn bà Tạ Thị N.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Nguyễn Văn V1, sinh ngày 09/5/2008 cho ông Nguyễn Văn V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Bà Tạ Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ và công sức chung: Không đề nghị Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007480 ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bà Tạ Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND KV8- Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 8- Hải Phòng;
- UBND xã Vĩnh Am, thành phố Hải Phòng để ghi vào sổ hộ tịch, số ĐKKH: ngày 18/9/1998 tại UBND xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
- Lưu hồ sơ
- Lưu văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thành Hưng